

Số: 14/2022/QĐST - DS

Tam Bình, ngày 17 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày **08 tháng 3 năm 2022** về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **21/2021/TLST - DS ngày 18 tháng 02 năm 2021**.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1958

Nơi ĐKKHKT: 34/28 đường HTQ, phường TB, quận NK, thành phố Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Lưu Thanh P**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 235 NVC, phường AH, quận NK, thành phố Cần Thơ

- Đại diện theo ủy quyền: Chị **Trần Thị Kim M**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 107/123, HVT, phường AC, quận NK, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: 1. Ông **Trương Thành P**, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh VL.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Minh P1**, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp MP5, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông **Trương Thành L1**, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp BQ, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trương Thành T**, sinh năm 1947

Địa chỉ: ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Trương Thị V**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp LH, xã LST, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông **Nguyễn Hoàng L2**, sinh năm 1966

Địa chỉ: tổ 61, khóm ĐBA, phường ĐT, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp AP, xã NT, huyện TB tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bà Phan Thị L, ông Trương Thành P có ông Hồ Minh P1 làm đại diện, ông Trương Thành L, bà Trương Thị V cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Bà Phan Thị L được hưởng phần đất tại thửa mới 169 – 1 (thửa cũ 290 – 1), diện tích 2.255,1m², loại đất ONT+CLN, tờ bản đồ mới số 13 (tờ bản đồ cũ số 3), đất tọa lạc tại ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long và cây trồng trên đất. Diện tích nằm trong chu vi các mốc như sau: 12 – 13 – 14 – 15 – 16 – 17 – 18 – 19 – 20 – 21 – 22 – 12.

+ Về cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 06/5/2021 có tổng giá trị là 52.462.000đồng bà L được trọn hưởng.

+ Về căn nhà: 01 căn nhà chính có kết cấu khung móng, cột bê tông cốt thép, xây tường, nền gạch men, mái tôn, không trần diện tích 98.8m² theo biên bản định giá ngày 06/5/2021 có tổng giá trị là 220.405.174đồng là tài sản của ông T và bà L nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

+ Ông Trương Văn T được hưởng phần đất tại thửa mới 169 – 2 (thửa cũ 290 – 2 + 291 – 1), tờ bản đồ mới 13 (Tờ bản đồ cũ số 3), diện tích 1.141,6m², loại đất CLN, đất tọa lạc tại ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích nằm trong chu vi các mốc như sau: 4 – 5 – 6 – A – F – 4.

Đối với phần đất được hưởng của ông T thì bà L, ông P, ông L1 và bà V thỏa thuận thống nhất đồng ý để cho bà L được quản lý, sử dụng thay cho ông Tài và bà Lệ cam kết sẽ chăm sóc cho vợ chồng ông T đến cuối đời.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

+ Ông Trương Thành P được hưởng phần đất tại thửa mới 169 – 3 (thửa cũ 290-5 + 291 – 4), tờ bản đồ mới 13 (Tờ bản đồ cũ số 3), diện tích 1.138,1m², loại đất CLN, đất tọa lạc tại ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích nằm trong chu vi các mốc như sau: A – B – E – F – A.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

+ Bà Trương Thị V được hưởng phần đất tại thửa mới 169 – 4 (thửa cũ 290 – 6 + 291 – 5), tờ bản đồ mới 13 (Tờ bản đồ cũ số 3), diện tích 1.135,4m², loại đất CLN, đất tọa lạc tại ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích nằm trong chu vi các mốc như sau: B – C – D – E – B.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

+ Ông Trương Thành L1 được hưởng phần đất tại thửa mới 169 – 5 (thửa cũ 290 – 7 + 291 – 6), tờ bản đồ mới 13 (Tờ bản đồ cũ số 3), diện tích 1.099,4m², loại đất CLN, đất tọa lạc tại ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích nằm trong chu vi các mốc như sau: C – 7 – 8 – 9 – D – C.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

Bà Phan Thị L, ông Trương Thành P, bà Trương Thị V, ông Trương Thành L1 được quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.2. Bà Phan Thị L, ông Trương Thành P có ông Hồ Minh P1 làm đại diện, ông Trương Thành L1, bà Trương Thị V, ông Trương Thành T có bà L là người giám hộ, ông Nguyễn Văn T1 cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà L, ông P có ông P1 làm đại diện, ông L1, bà V đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê đất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 17/02/2020 với ông Nguyễn Văn T1 tại các phần đất thửa mới 169 - 3(thửa cũ 290 - 5 + 291- 4); diện tích 1.138,1 m², thửa mới 169 – 4 (thửa cũ 290 - 6 + 291- 5), diện tích 1.135,4m²; diện tích 1.138,1 m², thửa mới 169 – 5 (thửa cũ 290 - 7 + 291- 6), diện tích 1.099,4m², tờ bản đồ mới 13 (Tờ bản đồ cũ số 3), loại đất CLN, đất tọa lạc tại ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Văn T1 đồng ý giao số tiền còn lại của hợp đồng thuê đất với số tiền là 75.000.000 đồng cho ông P, ông L1 và bà V, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 01/12/2023 giao số tiền là 30.000.000 đồng. Ông P, ông L1 và bà V mỗi người được nhận là 10.000.000đồng

+ Lần 2 Vào ngày 01/12/2025 giao số tiền là 45.000.000 đồng. Ông P, ông L1 và bà V mỗi người được nhận là 15.000.000đồng.

2.3. Bà Phan Thị L, ông Trương Thành P có ông Hồ Minh P1 làm đại diện, ông Trương Thành L1, bà Trương Thị V, ông Trương Thành T có bà L là người giám hộ cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Phan Thị L, ông Trương Thành P có ông Hồ Minh P1 làm đại diện, ông Trương Thành L1, bà Trương Thị V, ông Trương Thành T có bà L là người giám hộ thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Hoàng L2 tại thửa mới 187 (thửa cũ 290 – 3 + 291 – 2), tờ bản đồ mới 13 (Tờ bản đồ cũ số 3), loại đất CLN, diện tích 1.991,6m², đất tọa lạc tại ấp AP, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Hoàng L2 phải kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

* **Về chi phí giám định đất:** là 6.515.700đồng trên tổng diện tích đất yêu cầu là 6.769,6m². Nên phần chi phí giám định mỗi người phải chịu tương ứng với phần diện tích mà mình được hưởng. Chi phí cụ thể được tính như sau:

+ Bà Phan Thị L phải chịu số tiền là 3.269.304đồng.

+ Ông Trương Thành P phải chịu số tiền là 1.095.414đồng.

+ Ông Trương Thành L1 phải chịu số tiền là 1.058.166đồng.

+ Bà Trương Thị V phải chịu số tiền là 1.092.816đồng.

Bà L đã nộp 10.000.000đồng nên được nhận lại số tiền là 3.484.300đồng (đã nhận xong).

Ông L, ông P, bà V có trách nhiệm hoàn lại cho bà L số tiền theo mức chi phí giám định và định giá tài sản đã được tính cho từng đương sự.

* **Án phí dân sự sơ thẩm**: giá đất tính án phí các bên đương sự thống nhất như sau:

+ Đất ở nông thôn là 270.000đồng/m²

+ Đất vườn (cây lâu năm) là 138.000đồng/m²

+ Do bà L, ông P, ông L1, ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Bà V phải nộp là 4.542.130đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi